

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày 28-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Tuấn Kiệt
- Ông Lê Trường Hận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2025/QĐ-ST ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Trụ sở: Số A đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Văn A – Phó Giám đốc chi nhánh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đoàn Thanh H và ông Quách Gia U

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (ông H có mặt).

Bị đơn: Ông Châu Kiệt T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số C đường P, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Hồng Thiện M**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số C đường P, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Thanh H trình bày: Ông Châu Kiệt T có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần C (viết tắt là V) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số TT-03-046/2022-HĐCVHM/NHCT862 ngày 27/12/2022, số tiền cho vay 2.400.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, lãi suất cho vay 12%/năm (thực tế chỉ tính 10%/năm), lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, ông T đã nhận số tiền giải ngân của hợp đồng tín dụng theo các giấy nhận nợ cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ ngày 16/10/2023, tài khoản nhận tiền số 8670087729914, số tiền 400.000.000 đồng, ngày đáo hạn 16/4/2024

Giấy nhận nợ ngày 01/12/2023, tài khoản nhận tiền số 866008942881, số tiền 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn 03/6/2024

Giấy nhận nợ ngày 12/12/2023, tài khoản nhận tiền số 866008975858, số tiền 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn 12/6/2024

Giấy nhận nợ ngày 13/12/2023, tài khoản nhận tiền số 862008983037, số tiền 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn 13/6/2024

Giấy nhận nợ ngày 14/12/2023, tài khoản nhận tiền số 867008986603, số tiền 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn 14/6/2024

Ngoài ra, ông T còn vay theo hình thức Hợp đồng thẻ tín dụng số TT-03-036/2021/TDD/NHCT862 ngày 08/12/2021, số tiền vay 100.000.000 đồng, vay tiêu dùng, lãi suất 18,5% /năm.

Tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay nêu trên gồm: Hợp đồng thế chấp số TT-65-074-2/2020/HĐBĐ/NHCT862 ngày 06/7/2020 được ký kết giữa V và ông Châu Kiệt T, bà Lê Hồng Thiện M được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 06/7/2020, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 7, diện tích 11.268m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY963646 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Châu Kiệt T ngày 09/4/2015 và Hợp đồng cầm cố số TT-03-036/2021/HĐBĐ/NHCT862 ngày 24/11/2021 được ký kết giữa V và ông Châu Kiệt T, tài sản cầm cố là Trái phiếu V phát hành năm 2021 đáo hạn năm 2031, mã số trái phiếu CTG2131T2-4011 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu số CTG2131T2-4011 do Ngân hàng thương mại cổ phần C chứng nhận ngày 18/11/2021).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Châu Kiệt T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/4/2024. V nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông T thanh toán nợ nhưng ông T không thanh toán, các khoản vay của ông T đã quá hạn thanh toán. Theo thoả thuận của hợp đồng, nếu bên vay vi

phạm nghĩa vụ thanh toán của một trong các hợp đồng thì V có quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán tất cả các khoản nợ.

Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu ông Châu Kiệt T thanh toán một lần các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 tổng cộng là 2.851.799.715 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay hạn mức số TT-03-046/2022-HĐCVHM/NHCT862 ngày 27/12/2022, tổng cộng là 2.760.369.851 đồng (nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 251.835.617 đồng, lãi quá hạn 108.534.234 đồng; Hợp đồng thế tín dụng số TT-03-036/2021/TDD/NHCT862 ngày 08/12/2021, tổng cộng là 91.429.864 đồng (nợ gốc 68.256.873 đồng, nợ lãi trong hạn 21.660.525 đồng, phí làm thẻ 500.000 đồng, phạt quá hạn chậm thanh toán 1.000.000 đồng, phí sử dụng thẻ 12.466 đồng).

Ngoài ra, ông T còn phải trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của từng hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp và hợp đồng cầm cố đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Châu Kiệt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng Thiện M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập làm việc, thông báo thời gian thẩm định tài sản thế chấp, triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định pháp luật, nhưng ông T và bà M đều vắng mặt, không đến tòa làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham dự phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T và bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 tổng cộng là 2.851.799.715 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay hạn mức số TT-03-046/2022-HĐCVHM/NHCT862 ngày 27/12/2022, tổng cộng là 2.760.369.851 đồng (nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 251.835.617 đồng, lãi quá hạn 108.534.234 đồng; Hợp đồng thế tín dụng số TT-03-036/2021/TDD/NHCT862 ngày 08/12/2021, tổng cộng là 91.429.864 đồng (nợ gốc 68.256.873 đồng, nợ lãi trong hạn 21.660.525 đồng, phí làm thẻ 500.000 đồng, phạt quá hạn chậm thanh toán 1.000.000 đồng, phí sử dụng thẻ 12.466 đồng) và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo từng hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp và hợp đồng cầm cố đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: V và ông Châu Kiệt T ký kết các hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh và tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án V không chứng minh được ông T có đăng ký và hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Châu Kiệt T cư trú tại: Số C đường P, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, thông báo việc xem xét thẩm định nhưng bị đơn ông Châu Kiệt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng Thiện M đều vắng mặt không rõ lý do. Ông T và bà M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà M theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Châu Kiệt T thanh toán nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ Hợp đồng tín dụng ngày 27/12/2022, các Giấy nhận nợ ngày 16/10/2023, 01/12/2023, 12/12/2023, 13/12/2023, 14/12/2023 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 08/12/2021 được ký kết giữa V và ông Châu Kiệt T, Hội đồng xét xử xét thấy: Các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông T đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ, V xác định ông Tường vì P nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/4/2024 thì ông T cũng không có ý kiến phản hồi và đến nay các khoản nợ đã hết hạn thanh toán, nhưng ông T không thanh toán là vi phạm hợp đồng. Do đó, V khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán các khoản tiền còn nợ của các hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 tổng cộng là 2.851.799.715 đồng (trong đó: Hợp đồng cho vay hạn mức số TT-03-046/2022-HĐCVHM/NHCT862 ngày 27/12/2022, tổng cộng là

2.760.369.851 đồng, gồm nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 251.835.617 đồng, lãi quá hạn 108.534.234 đồng; Hợp đồng thế tín dụng số TT-03-036/2021/TDD/NHCT862 ngày 08/12/2021, tổng cộng là 91.429.864 đồng, gồm nợ gốc 68.256.873 đồng, nợ lãi trong hạn 21.660.525 đồng, phí làm thẻ 500.000 đồng, phạt quá hạn chậm thanh toán 1.000.000 đồng, phí sử dụng thẻ 12.466 đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông T còn phải thanh toán nợ lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc. Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ một lần của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời hạn và phương thức thanh toán thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án, nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số TT-65-074-2/2020/HĐBĐ/NHCT862 ngày 06/7/2020 được ký kết giữa V và ông Châu Kiệt T, bà Lê Hồng Thiện M và Hợp đồng cầm cố số TT-03-036/2021/HĐBĐ/NHCT862 ngày 24/11/2021 được ký kết giữa V và ông Châu Kiệt T, xác định được tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên của ông T gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 7, diện tích 11.268m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY963646 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Châu Kiệt T ngày 09/4/2015 và Trái phiếu V phát hành năm 2021 đáo hạn năm 2031, mã số trái phiếu CTG2131T2-4011 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu số CTG2131T2-4011 do Ngân hàng thương mại cổ phần C chứng nhận ngày 18/11/2021).

Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2024 thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 345, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY963646 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Châu Kiệt T ngày 09/4/2015, đất đang để trống, hiện trạng không thay đổi so với thời điểm ký thế chấp.

Xét thấy, ông T và bà M là vợ chồng và có văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng nên việc bà M đồng ký kết hợp đồng thế chấp nêu trên là phù hợp, đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của các bên, hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và trái phiếu do ông T đứng tên chủ sở hữu nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng ông T phải chịu. Do V đã tạm ứng trước nên ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho V số tiền 600.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy

định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 89.035.994 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với bị đơn ông Châu Kiệt T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Châu Kiệt T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 là 2.851.799.715 đồng (trong đó: Hợp đồng cho vay hạn mức số TT-03-046/2022-HĐCVHM/NHCT862 ngày 27/12/2022, tổng cộng là 2.760.369.851 đồng, gồm nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 251.835.617 đồng, lãi quá hạn 108.534.234 đồng; Hợp đồng thế tín dụng số TT-03-036/2021/TDD/NHCT862 ngày 08/12/2021, tổng cộng là 91.429.864 đồng, gồm nợ gốc 68.256.873 đồng, nợ lãi trong hạn 21.660.525 đồng, phí làm thẻ 500.000 đồng, phạt quá hạn chậm thanh toán 1.000.000 đồng, phí sử dụng thẻ 12.466 đồng) Kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Châu Kiệt T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông Châu Kiệt T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc ông Châu Kiệt T và bà Lê Hồng Thiện M giao tài sản thế chấp để Ngân hàng thương mại cổ phần C yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định, đối với tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 7, diện tích 11.268m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BY963646 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Châu Kiệt T ngày 09/4/2015 và Trái phiếu V phát hành năm 2021 đáo hạn năm 2031, mã số trái phiếu CTG2131T2-4011 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu số CTG2131T2-4011 do Ngân hàng thương mại cổ phần C chứng nhận ngày 18/11/2021).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Châu Kiệt T phải nộp 600.000 đồng. Do Ngân hàng thương mại cổ phần C đã tạm ứng trước nên ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 600.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Châu Kiệt T phải nộp 89.035.994 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu. Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải chịu án phí, Ngân hàng thương mại cổ phần C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 41.952.000 đồng theo Biên lai thu số 0003121 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt